

QUYẾT ĐỊNH

**Giao biên chế viên chức (số lượng người làm việc)
và chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2002
đối với UBND huyện Bù Đăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1400/TTr-SNV ngày 26/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế viên chức (số lượng người làm việc) và chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (gọi tắt là *chỉ tiêu hợp đồng 68*) trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đối với UBND huyện Bù Đăng năm 2022, như sau:

1. Biên chế viên chức (số lượng người làm việc): biên chế **2.403** (người) kể từ ngày **01/9/2022** (chi tiết phụ lục kèm theo), trong đó:

a) Biên chế viên chức (số lượng người làm việc) hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **2.363** biên chế (người).



b) Biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*) hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị: **40** biên chế (*người*).

2. Chỉ tiêu hợp đồng 68 là: **307** chỉ tiêu, kể từ ngày **01/9/2022**, trong đó:

a) Trong cơ quan hành chính: **10** chỉ tiêu;

b) Trong đơn vị sự nghiệp công lập: **297** chỉ tiêu.

Điều 2.

1. Giao UBND huyện Bù Đăng ban hành Quyết định giao biên chế viên chức và chỉ tiêu hợp đồng 68 đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu hợp đồng 68 theo đúng số lượng đã được UBND tỉnh giao.

2. Giao Sở Nội vụ quản lý việc sử dụng và quản lý biên chế viên chức (*số lượng người làm việc*) và chỉ tiêu hợp đồng 68 của UBND huyện Bù Đăng theo đúng số lượng đã được UBND tỉnh giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (TBC).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

PHỤ LỤC

Biên chế viên chức (số lượng người làm việc) trong
các cơ quan, đơn vị của UBND huyện Bù Đăng

(Kèm theo Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 21/8/2022 của UBND tỉnh)

STT	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Biên chế giao năm 2022			Ghi chú
		Tổng biên chế viên chức (số lượng người làm việc)	Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp	
TỔNG		2.403	2.363	40	
1	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2.001	2.001	0	
2	Sự nghiệp Y tế	306	266	40	
3	Sự nghiệp Văn hóa	15	15	0	
5	Sự nghiệp khác	81	81	0	

